

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HNGĐ -ST

Ngày: 10/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Nhác

2. Ông Tạ Đức Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2017/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/QĐXX ngày 07 tháng 3 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/2017/QĐST- HNGĐ ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1981.

HKTT: Tổ 1, phường P, quận L, TP Hà Nội

Hiện ở: Tổ 6, phường G, quận L, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1980.

HKTT: Tổ 1, phường P, quận L, TP Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N trình bày:**

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, Hà Nội (nay là UBND phường P, quận L, Hà Nội) ngày 04/10/2000.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 1, phường P, quận L, TP Hà Nội cùng với bố mẹ đẻ của anh T. Quá trình chung sống đến năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ngoại tình, không chung thủy, không quan tâm tới gia đình, ham chơi bời, nợ nần. Chị đã phải trả nợ thay cho anh T nhiều lần. Ngoài ra, anh T còn đánh chị. Chị đã cố gắng chịu đựng và khuyên can anh T thay đổi nhưng không được. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi nhau. Anh T thường xuyên không về nhà. Đỉnh điểm mâu thuẫn là đến khoảng năm 2015 anh T bỏ nhà đi không về. Chị đã có ảnh chụp là bằng chứng anh T ngoại tình với người khác. Từ đầu năm 2016, vợ chồng đã ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Anh T cũng không quan tâm hỏi han gì đến vợ con. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/8/2001 và cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 06/12/2004. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai cháu không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con chung. Hiện nay chị đang bán hàng tại chợ Dân sinh Quán Tĩnh, thu nhập trung bình hàng tháng là 8.000.000đồng

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị khẳng định không nợ ai và không cho ai vay, nếu sau này phát sinh tranh chấp chị xin tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

***Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày:**

Tại bản tự khai ngày 24/5/2017 và biên bản lấy lời khai đối chất ngày 24/5/2017, anh T hoàn toàn đồng ý về điều kiện và thủ tục kết hôn như chị N đã trình bày.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do chị N nghi ngờ anh T ngoại tình và do mâu thuẫn trong việc xây dựng kinh tế gia đình. Anh có đánh chị N khoảng 3 hay 4 lần do chị N nói nhiều. Anh chơi bời thua lỗ phải vay tiền người khác, số tiền này là nợ riêng của anh, không liên quan đến chị N, không dùng vào việc xây dựng kinh tế chung của gia đình. Anh chi ly thân từ năm 2016 đến nay do anh bỏ ra ngoài sống. Anh bỏ nhà đi là do chán chị N chứ không phải do anh ngoại tình. Anh chỉ thừa nhận có một lần đi chơi với cô gái như trong ảnh mà chị N xuất trình tại tòa, ngoài lần đó anh không ngoại tình lần nào khác nữa. Anh có về thăm con và gọi điện liên lạc với chị N nhưng chị không nghe máy. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị tòa án hòa giải cho vợ chồng anh. Anh cũng không có cách gì để chị N suy nghĩ lại, phương hướng của anh là tiếp tục sống như hiện nay. Chị N và hai con cũng bỏ nhà ra thuê ở nơi khác từ 3 tháng nay.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/8/2001 và cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 06/12/2004. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị N. Khi ly hôn anh xin nuôi cả hai con không yêu cầu chị N đóng góp phí tổn nuôi con. Hiện nay anh đang làm lái xe cho công ty Grap thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đồng / 1 tháng.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh khẳng định không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh T vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo đúng quy định của pháp luật.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T vắng mặt, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/8/2001 và cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 06/12/2004. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng muốn nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con, anh T cũng đã bỏ nhà đi khoảng 1 năm nay không có nơi ở ổn định. Vì vậy đề nghị HĐXX giao hai con cho chị N trực tiếp chăm sóc, tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh T do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung của anh chị: do không có tranh chấp, không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị N khởi kiện vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại tổ 1, phường P, quận L, TP Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 40 BLTTDS.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T: Quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Long Biên đã yêu cầu anh T cung cấp địa chỉ nơi anh đang cư trú nhưng hết thời hạn quy định anh không cung cấp và chỉ cung cấp địa chỉ nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 1, phường P, quận L, TP Hà Nội. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, Hà Nội (nay là UBND phường P, quận L, Hà Nội) ngày 04/10/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, vợ chồng anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình, ham chơi

không quan tâm tới gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Đến nay chị N kiên quyết xin ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn do anh không có ý định bỏ vợ bỏ con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa để tổ chức hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do vì vậy không thể tiến hành hòa giải được. Việc anh T cố tình vắng mặt tại các phiên hòa giải thể hiện anh T không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Bản thân anh T cũng thừa nhận không giải pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và anh chấp nhận cuộc sống như hiện nay. Thực tế, anh T đã không về nhà từ đầu năm 2016 và sống ly thân với chị N từ đó đến nay.

Quá trình xác minh tại địa phương cũng như phía gia đình anh chị cung cấp mâu thuẫn vợ chồng anh chị là do anh T ham chơi hay đánh vợ và có lần đi chơi với mấy cô gái tại quán karaoke qua đêm không về bị chị N phát hiện. Vì thế mâu thuẫn lại càng căng thẳng. Sau khi có bằng chứng về việc anh T ngoại tình, chị N thường xuyên day night nên anh T không về nhà khoảng một năm nay. Hiện nay, gia đình anh T cũng chỉ liên lạc với anh T qua điện thoại còn địa chỉ cụ thể nơi anh ở gia đình cũng không nắm được. Chị N và các con cũng không sống ở nhà và đã dọn đi nơi khác sinh sống từ sau Tết âm lịch năm 2017. Từ khi xảy ra sự việc, anh chị không gặp gỡ, nói chuyện với nhau. Việc anh chị mâu thuẫn gia đình đã động viên cả hai rất nhiều nhưng không đạt kết quả. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, kéo dài, thực tế cuộc sống chung không tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

*** Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/8/2001 và cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 06/12/2004. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị N. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và không yêu cầu bên kia đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: chị N hiện nay đang kinh doanh tại chợ Quán Tỉnh, thu nhập trung bình hàng tháng có xác nhận của Ban Quản lý chợ là

8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) /1 tháng. Về nơi ở ba mẹ con chị đã thuê nhà ở từ đầu năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án chị xuất trình hợp đồng thuê nhà với thời hạn là 02 năm kể từ ngày 20/3/2017. Anh T khai đang làm lái xe cho công ty Grap nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh không xuất trình được tài liệu chứng minh điều kiện, khả năng nuôi con của mình. Bản thân anh T không ở nhà từ năm 2016 đến nay. Chị N vẫn người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con kể từ khi anh T bỏ đi. Nay cháu M và cháu V đều có nguyện vọng tha thiết xin được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu nên giao cho chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung là có căn cứ phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị N có đủ khả năng và điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng phí tổn nuôi con chung đối với anh T.

*** Về tài sản chung:** Không có yêu cầu và tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

*** Về án phí:** Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung

2.1. Giao cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/8/2001 và cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 06/12/2004 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- 2.2. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T cho đến khi cháu M, cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 5123 ngày 04/4/2017 tại Chi cục thi hành án quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND q. Long Biên
- Chi cục THADS q. Long Biên
- UBND p. P – q. L - Hà Nội.
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mai Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa